

Bản án số: 114/2024/HS-PT

Ngày: 22-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Ông Lê Hồng Nước

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Lưu Thuý Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 81/2024/TLPT-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Phước N. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2024/HS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Phước N (tên gọi khác: G), sinh năm 1990, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Phước T (chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ L; Vợ tên Quách Thiên L1; Có 02 con, lớn sinh năm 2013 và nhỏ sinh năm 2019; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát cũng không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phước N và bà Đoàn Thị Anh T1 là hàng xóm láng giềng với nhau, cùng mua bán các loại hàng tạp hóa tại chợ L3 thuộc khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Vào khoảng 06 giờ ngày 18/6/2023, tại Cửa hàng N1 (N) do bà T1 làm chủ, bà T1 và chị Tống Thị B (người làm thuê, phụ giúp buôn bán cho bà T1) nói chuyện với nhau về việc có người thanh niên đến nhà tìm chị B nhưng không gặp được chị B. Nghe được chị B và bà T1 nói chuyện về vấn đề trên, N từ trong cửa hàng đi ra nói người đến nhà tìm chị B là N rồi giữa N và bà T1, chị B xảy ra cự cãi với nhau. Sau đó, N chở Nguyễn Phước H (con trai của N) đi về nhà cha mẹ vợ tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Khi N đi khỏi cửa hàng, Quách Thiên L1 (vợ N) tiếp tục cự cãi, lời qua tiếng lại với bà T1 thì chị Trần Thị Thùy T2 (người làm thuê cho N) điện thoại báo cho N biết. Lúc này, N đang ở nhà cha mẹ mở điện thoại ra xem camera lắp đặt tại cửa hàng của mình để xem sự việc thế nào thì N nghe ông Trần Ngọc L2 (chồng bà T1) nói với bà T1 và chị B: “Hăm dọa đó thấy chưa, hăm dọa giờ trời trả báo mấy thằng con đó”. Nghe ông L2 nói như vậy, Nam nghĩ ông L2 nói con mình bị cầm vì con N bị chứng rối loạn phổ tự kỷ, tăng động nên N tức giận rồi điều khiển xe về cửa hàng.

Đến khoảng 07 giờ 15 phút, cùng ngày, N về đến cửa hàng, tay trái cầm một cây xà beng tự chế bằng kim loại màu nâu, dài 73 cm, cán dài 60cm, dạng ống tít có đường kính 02cm, lưỡi cây xà beng dài 13cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 4,5cm dùng để đào gốc mai (do N mang từ nhà cha vợ về nhà). N liền đi vào bên trong cửa hàng lấy một con dao đang trưng bày có đặc điểm mũi bằng, chiều dài 44cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao sắc bén bằng kim loại dài 30cm cầm trên tay phải đi qua cửa hàng N2 để đánh chị B. N dùng cây xà beng và cầm dao sử dụng bề sống đánh nhiều cái vào người chị B, chị B dùng cuộn dây đưa lên đỡ rồi từ từ hạ thấp người xuống nên trúng vào hai tay gây thương tích. Thấy chị B bị đánh, bà T1 đang đứng gần đó xông vào dùng hai tay giữ tay phải của N đang cầm dao, đồng thời đẩy N ra ngoài cửa hàng. Lúc này, N vẫn còn dùng xà beng đánh chị B nhưng không trúng. Thấy vậy, ông L2 đang đứng đối diện N bước tới dùng tay đẩy N làm cây xà beng rớt xuống đất. N bị đẩy ra khỏi cửa hàng, tay phải của N bị bà T1 giữ chặt, còn cây xà beng bị rớt xuống đất nên N dùng tay trái đánh nhiều cái vào đầu bà T1. Do bà T1 dùng tay trái nắm giữ con dao, còn tay phải nắm giữ tay phải của N đang cầm dao, Nam giằng co làm đứt phần mềm các ngón III, IV, V bàn tay trái của bà T1 gây thương tích. Ngay lúc ấy, bà Nguyễn Thị Mỹ L (mẹ ruột của N) cũng chạy qua cửa hàng Ngọc L2 dùng tay giữ cánh tay phải của N lại. Do N vùng vẫy nên bà T1 buông tay té xuống đường, bà T1 đang lom khom nhìn lên thì N dùng tay trái nắm tóc của bà T1 kéo ra đường, ông L2 thấy vợ bị nắm tóc nên chạy đến đẩy N ra, bà L cũng kéo N ra đường làm N và bà T1 té xuống đường. Ông L2 gỡ tay N ra nhưng không được, N giơ tay lên định dùng dao đánh bà T1 nhưng do bà L đang giữ chặt tay nên không chém được. Lúc này, chị Quách Thiên L1, vợ của N từ bên trong cửa hàng chạy đến giật lấy con dao trên tay N ném vào trong cửa hàng. Nam vùng vẫy đứng lên, hất bà L cùng L1 buông tay ra thì N dùng tay đánh 02-03 cái vào đầu, mặt của bà T1. Thấy N không buông tóc của bà T1 ra nên nhiều người dân gần đó đến can ngăn thì N mới chịu dừng lại.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/6/2023, Nguyễn Phước N đến Công an thị trấn L, huyện L để đầu thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp: 01 cây dao tầm bực bằng kim loại dài 44cm, cán bằng gỗ dài 14 cm, lưỡi dao dài 30 cm, mũi bằng, được niêm phong theo quy định.

Sau đó, bà T1 đến Bệnh viện T3 điều trị đến ngày 21/6/2023 thì xuất viện, còn chị B đến Trung tâm y tế huyện L điều trị đến ngày 19/6/2023 xuất viện về nhà.

Ngày 20/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành dựng lại hiện trường và thu giữ: 01 cây xà beng tự chế bằng kim loại màu nâu, dài 73 cm, cán dài 60cm, dạng ống tít có đường kính 02cm, lưỡi cây xà beng dài 13cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 4,5cm được niêm phong theo quy định; 01 chiếc dép quai kẹp màu nâu.

Ngày 27/6/2023, các bị hại Tống Thị B và Đoàn Thị Anh T1 làm đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Phước N về hành vi cố ý gây thương tích.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thu giữ gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Phước N gồm:
 - + 01 đĩa DVD lưu giữ 04 tập tin video được trích xuất từ hệ camera lắp đặt tại cửa hàng M chứa hình ảnh, âm thanh có liên quan vụ cố ý gây thương tích.
 - + Số tiền: 45.080.096 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại.
- Thu giữ của ông Trần Ngọc L2 gồm:
 - + 01 tập tin video tên 8547298044165721593 có nội dung dữ liệu camera ghi lại diễn biến Nam cố ý gây thương tích cho chị B và bà Thu l vào đĩa DVD được niêm phong theo quy định;
 - + 01 bộ quần áo bằng vải, màu xanh, tay áo bị rách, quần bị rách ở vùng gối bên phải, có nhiều vết màu nâu vùng mặt trước;
 - + 01 áo thun ngắn tay, màu xanh xám có nhiều vết màu nâu ở mặt trước và sau.
- Thu giữ của bà Đoàn Thị Anh T1 gồm: 01 giấy chứng nhận thương tích số 368/2023 của Bệnh viện T3 ngày 21/6/2023.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 262/KLTTCT-TTPYĐT ngày 14/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Đoàn Thị Anh T1 tại thời điểm giám định là 04%, áp dụng phương pháp công tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019. Sẹo vết thương phần mềm ngón III, ngón IV, ngón V bàn tay trái có khả năng do vật sắc gây ra.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 263/KLTTCT-TTPYĐT ngày 14/7/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Tống Thị B tại thời điểm giám định là 01%, áp dụng phương pháp công tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019. Sẹo vết thương phần mềm mu bàn tay trái có khả năng do vật sắc gây ra.

Tại Kết luận giám định số 977/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Tập dữ liệu video lưu trong đĩa DVD gửi giám định (do ông Trần Ngọc L2 cung cấp) không bị chỉnh sửa, cắt, ghép về nội dung hình ảnh. Đã trích xuất hình ảnh trong tập dữ liệu video gửi giám định từ 02 giây đến 21 giây có tên “file ảnh.rar” có mã MD5: “C7FCAD0D7A990A418FÀ2976B10704EA” ra đĩa.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại đều không có thắc mắc hay khiếu nại đối với kết quả giám định của các kết luận nêu trên.

Trong quá trình điều tra, bị hại Đoàn Thị Anh T1 yêu cầu N phải bồi thường chi phí điều trị, tiền mất thu nhập, chi phí đi lại, chuyên bệnh, chi phí ăn uống, tổng số tiền là 25.590.736 đồng. Bị hại Tống Thị B yêu cầu N phải bồi thường chi phí điều trị, tiền mất thu nhập, chi phí đi lại, chuyên bệnh, chi phí ăn uống, tổng số tiền là 19.489.360 đồng. Tổng số tiền hai bị hại yêu cầu N phải bồi thường là 45.080.096 đồng. Hiện Nguyễn Phước N thống nhất bồi thường theo yêu cầu các bị hại và đã nộp số tiền 45.080.096 đồng tại Cơ quan điều tra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2024/HSST ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phước N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phước N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, bị cáo Nguyễn Phước N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Phước N bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, có cung cấp tình tiết mới là gia đình bị cáo có công với Cách mạng; bản thân bị cáo là bộ đội xuất ngũ; là lao động chính duy nhất trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc, phải nuôi 02 con nhỏ trong đó có 01 con bị bệnh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho các bị cáo. Xét mức hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; có địa chỉ rõ ràng; đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định. Do đó, đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm về phần hình phạt, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo N được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Phước N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, vật chứng cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 18/6/2023, do có mâu thuẫn từ trước và trong lúc cãi nhau với chị Quách Thiên L1 là vợ của N, ông Trần Ngọc L2 nói với bà Đoàn Thị Anh T1 và chị Tống Thị B có lời lẽ kích động đến đời tư con trai của bị cáo N nên bị cáo N tức giận đã dùng cây xà beng tự chế bằng kim loại màu nâu, dài 73 cm, cán dài 60cm, dạng ống tít có đường kính 02cm, lưỡi cây xà beng dài 13cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 4,5cm và một con dao mũi bằng dài 44cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao sắc bén bằng kim loại dài 30cm, dùng bề sống dao đánh vào tay của bị hại Bé gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% và dùng tay đánh vào đầu, mặt của bị hại T1, do bị hại T1 dùng tay nắm cây dao của bị cáo N, trong lúc giằng co đã gây thương tích cho bị hại T1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 04%.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ, lẽ ra bị cáo phải biết tự kiềm chế bản thân để tìm cách giải quyết mâu thuẫn một cách tế nhị và đúng đắn. Còn nếu như sự việc có trầm trọng hơn mà hai bên không thể tự giải quyết được thì có thể nhờ chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết. Bị cáo không làm được như vậy mà ngược lại, do không kiềm chế được bản thân và thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi như đã nêu trên. Bản thân bị cáo nhận thức được cây xà beng tự chế bằng kim loại, dài 73 cm, cán dài 60cm, dạng ống tít có đường kính 02cm, lưỡi cây xà beng dài 13cm, nơi rộng nhất của lưỡi là 4,5cm và con dao mũi bằng dài 44cm, cán bằng gỗ dài 14cm, lưỡi dao sắc bén bằng kim loại dài 30cm, là hung khí nguy hiểm, nhận thức được hành vi sử dụng cây xà beng và con dao nêu trên tác động vào cơ thể người khác là sẽ gây thương tích, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện và hậu quả đã xảy ra làm cho bị hại B bị thiệt hại về sức khỏe với tỷ lệ thương tật 01%, bị hại T1 bị thiệt hại về sức khỏe với tỷ lệ thương tật 04%, chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Phước N về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, có cung cấp các tình tiết mới như: gia đình bị cáo có công với Cách mạng; bản thân bị cáo là bộ đội xuất ngũ; là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc, phải nuôi 02 con nhỏ trong đó có 01 con bị bệnh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; có địa chỉ rõ ràng. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cho bị cáo rèn luyện, sửa chữa để trở thành người tốt, có ý thức chấp hành pháp luật. Do đó, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Phước N là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo N được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Phước N. Sửa bản án sơ thẩm, giữ y mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo N được hưởng án treo.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước N 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 22/5/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Phước N cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo Nguyễn Phước N phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Phước N phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Phước N thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo Nguyễn Phước N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện Lập Vò (03 bản);
- VKSND huyện Lập Vò;
- Chi cục THADS huyện Lập Vò;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Lập Vò;
- Cơ quan THAHS CA huyện Lập Vò;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA (Châu).

T TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
T THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh